TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 01/2023/KDTM- ST
Ngày: 10 - 7 -2023.
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong –** Thẩm phán.
- Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông **Nguyễn Ry**
- Bà **Nguyễn Thị Tài**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST- KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH xây lắp và khai thác vật liệu xây dựng Thanh N.

Địa chỉ: Số 602/18, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Duy Đức**, sinh năm 1983; Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Xuân Sinh,** sinh năm 1976; Chức vụ: Phó giám đốc.

Địa chỉ: 1216A, tổ 21, Vườn Dừa, Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Đức, ông Sinh có mặt).

Bị đơn: **Tổng Công ty xây dựng đường t - CTCP**

Địa chỉ: 40 Phùng Hưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Văn Tuấn**, sinh năm 1963, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ban quản lý dự án điện 3

Địa chỉ: 25 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Thanh Hoài**, sinh năm 1971, Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Nguyên Thoại**, sinh năm 1979, Chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế kế hoạch.

Địa chỉ: Thôn Nam Hiệp 1, xã Ka Đô, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng

(Có mặt).

Bộ giao thông vận tải

Địa chỉ: Số 80, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2020 ngày 13-4-2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/6/2021, ngày 12/9/2022 và những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Công ty TNHH xây lắp và khai thác vật liệu xây dựng Thanh N (Viết tắt là Công ty Thanh N) và Tổng Công ty xây dựng đường t (Viết tắt là Tổng Công ty đường t) có ký hợp đồng kinh tế số 548/HĐKT ngày 23/6/2006, theo hợp đồng thì Tổng Công ty đường t giao cho Công ty Thanh N thi công khai thác và sản xuất các loại đá xây dựng phục vụ thi công xây dựng thủy điện Đồng Nai 4.

Hợp đồng quy định đơn giá thanh toán giữa hai bên là đơn giá các loại đá thành phẩm mà Tổng Công ty đường t được chủ đầu tư (Ban quản lý dự án thủy điện 6) thanh toán và trừ 7%.

Thực hiện hợp đồng Công ty Thanh N đã giao cho Tổng Công ty đường t 19.486,48 m3 đá các loại (tại nơi thi công thuộc huyện Bảo L, Lâm Đồng) nhưng đến nay Tổng Công ty đường t vẫn chưa trả tiền cho Công ty Thanh N nên Công ty Thanh N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo L buộc Tổng Công ty xây dựng đường t – CTCP (Viết tắt là Tổng Công ty đường t – CTCP) thanh toán cho Công ty Thanh N toàn bộ giá trị mà Công ty Thanh N đã thực hiện cung cấp đá thành phẩm cho Tổng Công đường t với số tiền còn nợ là 1.665.523.235 đồng và tiền lãi phát sinh từ 15/7/2012 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Căn cứ vào hợp đồng trên Công ty Thanh N và Tổng Công ty đường t có 03 biên bản nghiệm thu khối lượng, cụ thể: Biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 20/8/2007, biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 16/4/2008 và biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 08/7/2008, khối lượng đá thể hiện rõ trong 03 biên bản trên nhưng không ghi giá cả cụ thể. Đến ngày 09/7/2008 hai bên có bảng thanh toán khối lượng và giá trị thanh toán thì Tổng Công ty đường t nợ Công ty Thanh N số

tiền 2.396.671.607 đồng, giá trị này chỉ là tạm tính giữa hai bên chưa trừ các khoản: Thuốc nổ, điện, chi phí thí nghiệm…

Tại biên bản họp ngày 16/10/2018 thể hiện Công ty Thanh N và Tổng Công ty đường t thì Tổng Công ty đường t còn công nợ phải trả Công ty Thanh N, giá trị cụ thể công nợ là bao nhiêu chưa xác định chính xác được vì chưa có đơn giá đá được duyệt bởi chủ đầu tư.

Hiện nay Công ty Thanh N và Tổng Công ty đường t chưa thực hiện việc đối chiếu công nợ, theo Công ty Thanh N thì Công ty đã liên lạc nhiều lần với Tổng Công ty đường t để đối chiếu công nợ nhưng Tổng Công ty đường t không thực hiện, các bên có họp và trao đổi miệng với nhau nhưng không chốt và đối chiếu được khoản nợ phải trả cho Công ty Thanh N.

Do chủ đầu tư là Ban quản lý dự án Thủy điện 6 (Nay là Ban quản lý dự án điện 3) cung cấp đơn giá đá nên ngày 12/9/2022 Công ty Thanh N bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Tổng Công ty đường t – CTCP thanh toán cho Công ty Thanh N toàn bộ giá trị mà Công ty Thanh N đã thực hiện cung cấp đá thành phẩm cho Tổng Công ty đường t với số tiền còn nợ tính đến ngày 15/5/2023 là 8.742.047.822 (Tám tỷ bảy trăm bốn mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm hai mươi hai) đồng, trong đó gốc là 3.564.182.172 đồng (4.872.579.505 đồng, Tổng Công ty đường t – CTCP thanh toán 1.308.397.333 đồng, còn lại 3.564.182.172 đồng), tiền lãi phát sinh từ 15/7/2012 đến ngày 15/5/2023 là 5.177.865.650 đồng. Công ty Thanh N đồng ý xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Tổng Công ty đường t – CTCP.

Bị đơn Tổng CTXD đường t – CTCP trình bày: Tổng Công ty đường t – CTCP tiền thân là doanh nghiệp nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần từ ngày 30/5/2014. Trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp chuyển Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần tại thời điểm 30/6/2013 của Tổng Công ty đường t – CTCP đã được Bộ giao thông vận tải phê duyệt không có khoản nợ nào phải trả cho Công ty Thanh N.

Theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 30/6/2013 Tổng Công ty phải thu của Công ty Thanh N số tiền 44.330.442 đồng.

Tổng Công ty đường t – CTCP đã có nhiều văn bản đôn đốc Công ty Thanh N cung cấp hồ sơ và cử người đến Tổng Công ty thực hiện quyết toán, thanh lý hợp đồng theo đúng các điều khoản đã được ký kết trong hợp đồng kinh tế số 548/HĐKT ngày 23/6/2006 nhưng Công ty Thanh N không thực hiện và cũng chưa xuất hóa đơn.

Tính đến thời điểm hiện tại Tổng Công ty đường t – CTCP chưa được Bộ giao thông vận tải quyết toán vốn nhà nước, chưa bàn giao giữa doanh nghiệp nhà nước và Công ty cổ phần theo quy định.

Từ các lý do trên Tổng Công ty đường t – CTCP đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng hướng dẫn Công ty Thanh N làm việc với Bộ giao thông vận tải, để Bộ giao thông vận tải xem xét chỉ đạo vụ quản lý doang nghiệp, vụ tài chính và ban đổi mới doanh nghiệp để xác nhận công nợ với Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại văn bản số 1662/BGTVT-QLDN ngày 22/3/2023 Bộ giao thông vận tải cung cấp: Thực hiện Quyết định của Thủ tướng chính phủ. Bộ giao thông vận tải đã chỉ đạo Tổng Công ty đường t hoàn thành việc bán cổ phần theo phương án cổ phần hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Công ty đường t đã chính thức chuyển sang hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần từ ngày 30/5/2014, sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần, Bộ giao thông vận tải đã triển khai thực hiện quyết toán phần vốn nhà nước để bàn giao doanh nghiệp nhà nước và Công ty cổ phần, nhưng tại thời điểm quyết toán Tổng Công ty đường t – CTCP báo cáo có một số vướng mắc tài chính phát sinh ngoài hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp cần có sự hướng dẫn của bộ, ngành và cơ quan có liên quan, do đó đến nay công tác quyết toán để xác định phần vốn nhà nước tại thời điểm Tổng Công ty đường t chính thức chuyển sang Công ty cổ phần vẫn chưa hoàn thành, chưa bàn giao giữa doanh nghiệp nhà nước và Công ty cổ phần. Trên cơ sở tờ trình của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đường t và Hồ sơ xác định giá trị doang nghiệp do Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam lập ngày 19/9/2013, Bộ giao thông vận tải đã có quyết định số 3162/QĐ-BGTVT ngày 10/10/2013 về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng Công ty đường t …

Không ghi nhận khoản nợ nào của Tổng Công ty đường t phải trả đối với Công ty Thanh N, đang ghi nhận khoản công nợ phải thu ngắn hạn đối với Công ty Thanh N là 44.330.442 đồng.

Tại văn bản số 4923/BGTVT-QLDN ngày 15/5/2023 Bộ giao thông vận tải cho biết: Bộ giao thông vận tải với vai trò là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, không tham gia trực tiếp vào hoạt động sản suất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như các tranh chấp dân sự phát sinh từ các hoạt động này. Tại công văn số 1662/BGTVT-QLDN ngày 22/3/2023 Bộ giao thông vận tải đã nêu rõ tình trạng đối chiếu công nợ giữa Công ty Thanh N và Tổng Công ty đường t tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, nội dung này được giải trình đầy đủ trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Theo quy định tại nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, Công ty cổ phần được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn đã nhận bàn giao để tổ chức sản xuất, kinh doanh, kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ trách nhiệm của doanh nghiệp cổ phần hóa đã bàn giao và có các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, vì vậy Bộ giao thông vận tải đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng không bổ sung Bộ giao thông vận tải là người tham gia tố tụng trong vụ án trên.

Ban quản lý dự án điện 3 trình bày: Ngày 10/10/2005 Ban quản lý dự án Thủy điện 6 (Nay là Ban quản lý dự án điện 3) có ký thỏa thuận hợp đồng tổng thầu xây lắp với thành viên tổ hợp nhà thầu là Tổng Công ty đường t do Công ty Cổ phần xây dựng 47 làm tổng thầu xây lắp.

Hai bên ký kết thỏa thuận nội dung như đúng tại biên bản thỏa thuận.

Ban quản lý dự án điện 3 đã thanh toán hết tất cả các khoản tiền cho Tổng Công ty đường t và Tổng Công ty đường t đã xuất hóa đơn cho Ban quản lý dự án điện 3 bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng. Ngày 12/9/2016 Ban quản lý dự án Thủy điện 6 đã có văn bản đề nghị Tổng Công ty phát điện 1 thanh toán cho Tổng Công ty đường t- CTCP số tiền là 3.195.254.303 đồng vì tại thời điểm này thủy điện Đồng Nai 4 đã giao cho Tổng Công ty phát điện 1 vận hành, đến ngày 21/10/2016 Tổng Công ty phát điện 1 đã thanh toán cho Tổng Công ty đường t- CTCP số tiền còn lại 3.195.254.303 đồng. Do vậy hiện nay giữa Ban quản lý dự án điện 3 và Tổng Công ty đường t- CTCP đã quyết toán xong.

Tại phiên tòa Công ty Thanh N yên cầu Tổng Công ty đường t- CTCP phải trả cho Công ty Thanh N số tiền gốc + lãi là 8.815.069.005 đồng, trong đó, tiền gốc là 3.564. 182.172 đồng, tiền lãi 5.250. 886.833 đồng (Tiền lãi tính từ ngày 15/7/2012 đến ngày 10/7/2023) 3.564. 182.172 đồng x 1,1175% x 131 tháng 25 ngày = 5.250. 886.833 đồng.

Đại diện ban quản lý dự án điện 3 vẫn giữ nguyên lời trình bày như trên

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Thanh N. Buộc Tổng Công ty đường t - CTCP thanh toán giá trị khối lượng đá 19.486,48 m3 x đơn giá mà chủ đầu tư là Ban quản lý thủy điện cung cấp theo từng giai đoạn (Theo công văn số 1039 ngày 16/8/2022 của Ban quản lý dự án điện 3) – số tiền Tổng Công ty đường t đã thanh toán là 1.308.397.333đ (Chi phí thuốc nổ, chi phí thí nghiệm, tiền điện, thuế tài nguyên môi trường) - 7% giá trị hợp đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Công ty Thanh N về việc yêu cầu Tổng Công ty đường t - CTCP phải trả lãi suất về việc chậm thanh toán.

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điển b khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án. Công ty Thanh N khởi kiện Tổng Công ty đường t – CTCP trả số tiền mua 19.486,48 m3 đá các loại, địa điểm giao đá và nơi thi công thuộc huyện Bảo L, Lâm Đồng, nên Tòa án xác định quan hệ là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu giải quyết vụ án: Theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng mà các bên đã ký kết thì thời gian các bên thực hiện hợp đồng là từ ngày 01/3/2006 đến năm 2009 và theo quy định tại Điều 7 thì thời hạn quyết toán và thanh toán hợp đồng là thời điểm ngay sau khi Tổng Công ty đường t làm quyết toán với chủ đầu tư chậm nhất là 15 ngày.

Điều 319 Luật thương mại 2005 quy định thời hiệu khởi kiện các tranh chấp thương mại là 02 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

Tuy nhiên cũng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện bắt đầu lại trong trường hợp bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện.

Theo biên bản cuộc họp ngày 16/10/2018 giữa Tổng Công ty đường t với Công ty Thanh N và tại công văn số 02/2019/TCTXDDT – PC ngày 02/01/2019 của Tổng Công ty đường t thì Tổng Công ty đường t thừa nhận còn công nợ phải thanh toán cho Công ty Thanh N. Do vậy thời hiệu khởi kiện bắt đầu lại từ ngày 02/01/2019 và tính đến ngày 25/12/2020, Công ty Thanh N làm đơn khởi kiện (gửi Tòa án tỉnh Lâm Đồng) thì chưa hết thời hạn khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại 2005.

[4] Qua xem xét hợp đồng kinh tế số 548/HĐKT ngày 23/6/2006 mà nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 23/6/2006, Tổng Công ty đường t và Công ty Thanh N ký hợp đồng kinh tế số 548/HĐKT. Theo đó nội dung công việc Tổng Công ty đường t giao cho Công ty Thanh N thi công khai thác và sản xuất các loại đá thành phẩm phục vụ thi công công trình thủy điện Đồng Nai 4 (tại Lộc Bảo, Bảo L, Lâm Đồng). Hai bên thỏa thuận đơn giá thanh toán là giá các loại đá thành phẩm Tổng Công ty đường t được thanh toán từ chủ đầu tư. Giá trị thanh toán là khối lượng đá thành phẩm được nghiệm thu nhân với đơn giá sau khi đã trừ đi giá trị vật liệu nổ mà Tổng Công ty đường t cung cấp cho Công ty Thanh N và 7% (01% phí tổng thầu và 6% trích nộp lại cho Tổng Công ty đường t). Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, Tổng Công ty đường t sẽ thanh toán cho Công ty Thanh N theo khối lượng thực hiện hàng kỳ, thanh toán sau khi Tổng Công ty đường t đã nhận được thanh toán từ chủ đầu tư số tiền thực hiện khối lượng công việc nói trên chậm nhất không quá 15 ngày. Đối với việc quyết toán và thanh lý hợp đồng, hai bên thỏa thuận ngay sau khi Tổng Công ty đường t làm quyết toán với chủ đầu tư chậm nhất 15 ngày Tổng

Công ty đường t cùng Công ty Thanh N căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục hợp đồng để quyết toán và thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành. Ngoài ra hợp đồng còn quy định quyền và nghĩa vụ của các bên.

Tổng Công ty đường t và Công ty Thanh N đều xác nhận các bên ký hợp đồng như nội dung đã nêu ở trên. Công ty Thanh N cho rằng đã hoàn thành công việc như nội dung hợp đồng các bên đã ký, đã cung cấp cho Tổng Công ty đường t khối lượng đá các loại là 19.486,48 m3 nhưng đến nay Tổng Công ty đường t chưa thanh toán xong giá trị hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Thanh N cung cấp 01 bảng thanh toán khối lượng ngày 9/7/2008 giữa Công ty Thanh N và Tổng Công ty đường t thể hiện: tính đến ngày 9/7/2008, Tổng Công ty đường t đã nhận khối lượng đá các loại mà Công ty Thanh N cung cấp là 19.486,48 m3, trong đó, đá 0,5 x1 là 3.796,5 m3; đá 1x2 là 5.206,18 m3; đá 2x4 là 7.412,3 m3; đá 4x6 là 3.071,5 m3. Tổng Công ty đường t nợ Công ty Thanh N với số tiền là 2.396.671.607 đồng. Giá trị này được tính trên cơ sở đơn giá tạm tính chưa trừ các khoản: Thuốc nổ, điện, chi phí thí nghiệm, tiền % Tổng Công ty đường t được hưởng theo hợp đồng, tiền tạm ứng…Bảng thanh toán có chữ ký của đại diện Công ty Thanh N giám đốc là Hồ Văn Hậu và đại diện Chi nhánh Tổng Công ty đường t giám đốc là Nguyễn Lệnh Công.

Như vậy, có căn cứ xác định tính đến ngày 9/7/2008 Tổng Công ty đường t đã nhận khối lượng đá các loại thành phẩm mà Công ty Thanh N cung cấp là 19.486,48 m3. Theo quy định tại khoản 3.2, Điều 3 của hợp đồng thì đơn giá thanh toán được xác định là giá các loại đá thành phẩm Tổng Công ty đường t được thanh toán từ chủ đầu tư.

Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án thủy điện 6 (Nay Ban quản lý dự án điện 3) trình bày đơn giá quyết toán các loại đá xây dựng thành phẩm các hạng mục công trình do Tổng Công ty đường t thi công được thể hiện tại bảng tính giá vật liệu đến hiện trường xây lắp được ban hành kèm theo Quyết định số 1211/QĐ-ATĐ6 - KT – KH của Ban quản lý dự án thủy điện 6 về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán hạng mục: Đập chính, công tác: Hố móng dự án thủy điện Đồng Nai 4. Bảng tính giá vật liệu đến hiện trường xây lắp được ban hành giai đoạn 01/10/2016 đến 2007 theo phụ lục 1 và giai đoạn 2008 theo phụ lục 2, trong đó hạng mục đập chính do Tổng Công ty đường t thi công thuộc khu vực 1 được đề cập trong phục lục 1 đính kèm; Đơn giá vật liệu tiêu hao cấu thành nên chi phí vật liệu của các mục công tác được thể hiện trong chiết tính đơn giá hạng mục: Đập chính – hố móng dự án thủy điện Đồng Nai 4 theo phụ lục 3. Qua xem xét phụ lục 1, phục lục 2 và phục lục 3 mà chủ đầu tư là Ban quản lý dự án Thủy điện 3 cung cấp kèm theo công văn số 1039/EVNPMB3-KH ngày 16/8/2022 thì đơn giá đá thành phẩm được thể hiện như sau:

- Giai đoạn 01/10/2006 đến 2007: Đá 1x2 có đơn giá tại khu vực 1 là 216.517đ/01 m3; đá 2x4 có đơn giá tại khu vực 1 là 206.165đ/01 m3. (Nguồn mỏ công trình – 4C); đá 4x6 có đơn giá tại khu vực 1 là 196.302đ/01 m3; đá 0,5x1 có đơn giá tại khu vực 1 là 216.517đ/01 m3.

- Giai đoạn năm 2008: đá 0,5 x 1 mỏ 4C có đơn giá là 251.020đ/01 m3; đá 1x2 có đơn giá là 318.582đ/01m 3; đá 2x4 có đơn giá là 275.051đ/01 m3; đá 4x6 mỏ 4A có đơn giá là 221.243đ/01 m3.

Căn cứ vào bảng ký nhận khối lượng và bản thanh toán khối lượng

Giai đoạn 01/10/2006 đến 2007 đá 4 x 6 là 3.000 m3, đá 2x4 là 930 m3, đá 1x2 là 3.315 m3, đá 0,5 x1 là 2.598 m3.

Giai đoạn năm 2008 đá 4 x 6 là 71,5 m3, đá 2x4 là 6.482,3 m3, đá 1x2 là 1.891,18 m3, đá 0,5 x1 là 1.198,5 m3.

Do vậy giá trị đá được tính như sau:

Giai đoạn 01/10/2006 đến 2007

Đá 4 x 6 là 3.000 m3 x 196.302đ/01 m3 = 588.906.000 đồng.

Đá 2x4 là 930 m3 x 206.165đ/01 m3 = 191.733.450 đồng.

Đá 1x2 là 3.315 m3 x 216.517đ/01 m3 = 717.753.855 đồng.

Đá 0,5 x1 là 2.598 m3 x 216.517đ/01 m3 = 562.511.166 đồng.

Giai đoạn năm 2008

Đá 4 x 6 là 71,5 m3 x 221.243đ/01 m3 = 15.818.875 đồng.

Đá 2x4 là 6.482,3 m3 x 275.051đ/01m3 = 1.782.963.097 đồng.

Đá 1x2 là 1.891,18 m3 x 318.582đ/01 m3 = 602.495.906 đồng.

Đá 0,5 x1 là 1.198,5 m3 x 251.020đ/01 m 3 = 300.847.470 đồng.

Tổng thành tiền là 4.763.029.819 đồng - 7% của số tiền trên là 333.412.087 đồng, còn lại là 4.429.617.733 đồng + 10% hóa đơn giá trị gia tăng là 442.961.773 đồng = 4.872.579.505 đồng – 1.308.397.333 đồng Tổng Công ty đường t trả cho Công ty Thanh N bao gồm trả bằng chuyển khoản (02 lần)600.000.000 đồng, giao tiền mặt 15.000.000 đồng, thuế tài nguyên đã nộp 47.933.432 đồng, phí bảo vệ môi trường 38.972.960 đồng, tiền điện phục vụ khai thác đá 143.944.321 đồng, vật liệu nổ 418.283.119 đồng, thí nghiệm đá thành phẩm 44.263.501 đồng, còn lại là 3.564.182.172 đồng.

Mặc khác, tại biên bản họp ngày 16/10/2018 giữa Tổng Công ty đường t với Công ty Thanh N và công văn số 02/2019/TCTXDĐT – PC ngày 02/01/2019 thì Tổng Công ty đường t cũng xác nhận còn công nợ phải trả cho Công ty Thanh N, giá trị cụ thể công nợ là bao nhiêu chưa xác định chính xác được. Sau thời điểm ngày 16/10/2018 (các bên họp) thì không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện Tổng Công ty đường t đã thanh toán xong công nợ cho Công ty Thanh N. Do vậy, việc Tổng Công ty đường t - CTCP chỉ dựa vào hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần tại thời điểm ngày 30/6/2013 của Tổng Công ty đường t để khẳng định không còn công nợ phải trả cho Công ty Thanh N mà không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở để chấp nhận.

Tổng Công ty đường t – CTCP tiền thân là doanh nghiệp nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần từ ngày 30/5/2014 nên Công ty cổ phần được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn đã nhận bàn giao để tổ chức sản xuất, kinh doanh, kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ trách nhiệm của doanh nghiệp cổ phần hóa đã bàn giao và có các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Do vậy căn cứ Điều 50, 55 Luật thương mại năm 2005 cần buộc Tổng Công ty đường t – CTCP phải trả cho Công ty Thanh N số tiền mua hàng chưa thanh toán là 3.564.182.172 đồng.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi 3.564. 182.172 đồng x 1,1175% x 131 tháng 25 ngày = 5.250. 886.833 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 15/7/2012 đến ngày 10/7/2023) Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo quy định tại điều 7 của hợp đồng số 548/HĐKT ngày 23/5/2006 mà hai bên đã ký kết thì hai bên thống nhất phương thức thanh toán hàng kỳ. Tổng Công ty đường t sẽ thanh toán cho Công ty Thanh N theo khối lượng hàng kỳ sau khi Tổng Công ty đường t đã nhận được thanh toán từ chủ đầu tư chậm nhất không quá 15 ngày. Hai bên còn thỏa thuận ngay sau khi Tổng Công ty đường t làm quyết toán với chủ đầu tư chậm nhất 15 ngày thì Tổng Công ty đường t cùng Công ty Thanh N căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục hợp đồng để quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án thủy điện 6 (Nay Ban quản lý dự án điện 3) trình bày đã quyết toán xong với Tổng Công ty đường t, kèm theo là hồ sơ quyết toán . Tuy nhiên cũng theo quy định tại khoản 9.14 và 9.15, Điều 9 của hợp đồng quy định quyền và nghĩa vụ của Công ty Thanh N (Bên B) Công ty Thanh N cùng Tổng Công ty đường t lập hồ sơ thanh toán trình tư vấn và chủ đầu tư; xuất đầy đủ hóa đơn GTGT những phần việc của mình cho Tổng Công ty đường t theo quy định hiện hành.

Mặc dù Tổng Công ty đường t không thanh toán đúng thời hạn cho Công ty Thanh N theo như nội dung hợp đồng đã thỏa thuận, tuy nhiên xét thấy lỗi thuộc một phần của Công ty Thanh N do không xuất hóa đơn GTGT cho Tổng Công ty đường t, không đối chiếu công nợ cụ thể. Do vậy căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005 không chấp nhận yêu cầu của Công ty Thanh N về việc yêu cầu Tổng Công ty đường t –CTCP phải trả lãi suất về việc chậm thanh toán.

[6] Việc Tổng Công ty đường t –CTCP cho rằng trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần tại thời điểm ngày 30/6/2013 của Tổng Công ty đường t đã được Bộ giao thông vận tải phê duyệt thì Công ty Thanh N còn nợ Tổng Công ty đường t số tiền 44.330.442đ. Tổng Công ty đường t –CTCP không có yêu cầu phản tố đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bộ giao thông vận tải đã chỉ đạo Tổng Công ty đường t hoàn thành việc bán cổ phần theo phương án cổ phần hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Công ty đường t đã chính thức chuyển sang hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần từ ngày 30/5/2014, sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần, Bộ giao thông vận tải đã triển khai thực hiện quyết toán phần vốn nhà nước để bàn giao doanh nghiệp nhà nước và Công ty cổ phần, nhưng tại thời điểm quyết toán Tổng Công ty đường t – CTCP báo cáo có một số vướng mắc tài chính phát sinh ngoài hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp cần có sự hướng dẫn của bộ, ngành và cơ quan có liên quan do đó đến nay công tác quyết toán để xác định phần vốn nhà nước tại thời điểm Tổng Công ty đường t chính thức chuyển

sang Công ty cổ phần vẫn chưa hoàn thành, chưa bàn giao giữa doanh nghiệp nhà nước và Công ty cổ phần.Trên cơ sở tờ trình của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đường t và Hồ sơ xác định giá trị doang nghiệp do Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam lập ngày 19/9/2013, Bộ giao thông vận tải đã có Quyết định số 3162/QĐ-BGTVT ngày 10/10/2013 về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng Công ty đường t.

Không ghi nhận khoản nợ nào của Tổng Công ty đường t phải trả đối với Công ty Thanh N, đang ghi nhận khoản công nợ phải thu ngắn hạn đối với Công ty Thanh N là 44.330.442 đồng đây là quan hệ thực hiện cổ phần hóa giữa Bộ giao thông vận tải với Tổng Công ty đường t.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tổng Công ty đường t – CTCP phải trả cho Công ty Thanh N số tiền 3.564.182.172 đồng nên Tổng Công ty đường t – CTCP phải nộp 103.286.643 đồng án phí KDTM - ST (72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng).

Công ty Thanh N yêu cầu 5.250. 886.833 đồng tiền lãi không được chấp nhận nên phải nộp 113.250.886 đồng án phí KDTM - ST (112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 207, điển b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 35, 37, 50, 55 Luật thương mại năm 2005

1/Xử:

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH xây lắp và khai thác vật liệu xây dựng Thanh N** về việc " *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa* " với **Tổng Công ty xây dựng đường t - CTCP**.

Buộc Tổng Công ty xây dựng đường t - CTCP phải trả cho Công ty TNHH xây lắp và khai thác vật liệu xây dựng Thanh N số tiền mua hàng chưa thanh toán là 3.564.182.172 (Ba tỷ năm trăm sáu mươi bốn triệu một trăm tám mươi hai ngàn một trăm bảy mươi hai) đồng.

-Bác yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH xây lắp và khai thác vật liệu xây dựng Thanh N về việc yêu cầu Tổng Công ty xây dựng đường t – CTCP trả 5.250. 886.833 đồng tiền lãi do chậm thanh toán.

Công ty TNHH xây lắp và khai thác vật liệu xây dựng Thanh N có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

2.Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Tổng Công ty xây dựng đường t – CTCP phải nộp 103.286.643 (Một trăm lẽ ba triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi ba) đồng án phí KDTM - ST.

Buộc Công ty TNHH xây lắp và khai thác vật liệu xây dựng Thanh N phải nộp 113.250.886 (Một trăm mười ba triệu hai trăm năm mươi ngàn tám trăm tám mươi sáu) đồng án phí KDTM - ST được trừ vào số tiền 58.210.377 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004156 và 0009539 ngày 12/11/2021 và ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L. Công ty TNHH xây lắp và khai thác vật liệu xây dựng Thanh N còn phải nộp 55.040.509 (Năm mươi năm triệu không trăm bốn mươi ngàn năm trăm lẽ chín) đồng.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày niên yết bản án tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi đương sự vắng mặt cư trú), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan)

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đình Phong

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tài **Nguyễn Ry** **Nguyễn Đình Phong**

Vào ngày 10/10/2018 bà Lê Thị Thùy Trang và ông Nguyễn Duy Hưng có vay của ông số tiền 200.000.000đ, khi nào cần báo trước 01 tháng thì bà Trang ông Hưng sẽ trả. Tù cuối năm 2018 ông đã đòi vợ chồng ông Hưng bà Trang nhiều lần nhưng vợ chồng ông Hưng bà Trang không trả, do vậy ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo L buộc vợ chồng ông Hưng bà Trang phải trả cho ông 200.000.000đ tiền nợ vay ông không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa ông Dũng vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên. Vợ chồng ông Hưng bà Trang đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc.

[2] Theo giấy vay tiền ngày 10-10-2018 do ông Dũng cung cấp thể hiện: Vào ngày 10-10-2018 bà Lê Thị Thùy Trang và ông Nguyễn Duy Hưng vay của ông Bùi Chí Dũng số tiền 200.000.000đ, thời hạn trả nợ khi cần báo trước 01

tháng , tới hạn trả ông Dũng đã đòi vợ chồng ông Hưng bà Trang nhiều lần nhưng vợ chồng ông Hưng bà Trang không trả do vậy ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo L buộc vợ chồng ông Hưng bà Trang phải trả cho ông 200.000.000đ tiền nợ vay ông không yêu cầu tính lãi, việc ông Dũng khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật vì ông Dũng xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do vậy áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc vợ chồng ông Hưng bà Trang phải trả cho ông Dũng số tiền nợ gốc là 200.000.000đ, do ông Dũng không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 207, điển b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Chí Dũng** về việc *" Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với vợ chồng ông **Nguyễn Duy Hưng** và bà **Lê Thị Thùy Trang**

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy Hưng và bà Lê Thị Thùy Trang phải có trách nhiệm trả cho ông Bùi Chí Dũng số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/**Về án phí**: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy Hưng và bà Lê Thị Thùy Trang phải nộp 10.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Bùi Chí Dũng 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019685 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hồng Liên **Lê Thị Sáu** **Nguyễn Đình Phong**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Đạ Tẻh;
- Chi cục THADS huyện Đạ Tẻh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đình Phong